**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CHƯƠNG LIÊN KẾT HÓA HỌC LỚP 10**

**Câu 1:**  Nguyên tử của nguyên tố X có xu hướng nhường một electron để đạt cấu hình bền vững, nó có tính kim loại điểm hình. Vậy X có thể thuộc nhóm nào sau đây?

 **A.**  Nhóm kim loại kiềm. **B.**  Nhóm halogen .

 **C.**  Nhóm khí hiếm. **D.**  Nhóm kim loại kiềm thổ.

**Câu 2:**  Liên kết cộng hóa trị trong phân tử HCl có đặc điểm:

 **A.**  Có một cặp electron chung, là liên kết đơn, không phân cực.

 **B.**  Có một cặp electron chung, là liên kết ba, có phân cực.

 **C.**  Có hai cặp electron chung, là liên kết đôi, không phân cực.

 **D.**  Có một cặp electron chung, là liên kết đơn, phân cực.

**Câu 3:**  Công thức phân tử hợp chất hình thành giữa hai nguyên tố X (Z= 11) và Y (Z=16) là:

 **A.**  XY2­ **B.**  X2Y **C.**  X­Y **D.**  X3Y2

**Câu 4:**  Liên kết trong phân tử NaCl là liên kết:

 **A.**  Cộng hóa trị có cực **B.**  cộng hóa trị

 **C.**  Ion **D.**  Cộng hóa trị không cực

**Câu 5:**  Trong hợp chất Al2O3, điện hóa trị của Al là

 **A.**  3-. **B.**  -3 **C.**  +3 **D.**  3+

**Câu 6.** Chất nào sau đây có liên kết đôi?

A .O2 B. H2O C. NH3 D. N2

**Câu 7**. Chất nào sau đây chỉ có liên kết cộng hóa trị phân cực?

A. NaCl B. H2O C. K2CO3 D. Cl2

**Câu 8**. Phân tử nào sau đây phân cực mạnh nhất?

A. NaCl B. HCl C. Cl2 D. H2O

**Câu 9:**  Số oxi hoá của clo trong các hợp chất HCl, HClO, HClO2, HClO3, lần lượt là:

 **A.**  -1, +1, +2, +3 **B.**  -1, +1, +3, +7, **C.**  -1, +1, +3, +6, **D.**  -1, +1, +3, +5

**Câu 10:**  Cho độ âm điện: Be (1,57), Mg (1,31), Cl (3,16), N (3,04), H (2,2), S (2,58), O ( 3,44). Chất nào sau đây có liên kết ion?

 **A.**  MgCl2, HCl. **B.**  BeCl2, BeS.

 **C.**  H2S, NH3. **D.**  MgO, Al2O3.

**Câu 11.** Ion nào sau đây là ion đa nguyên tử?

A.Na+  B. Mg2+ C.NH4+ D. Cl-

**Câu 12.**  Chọn câu đúng nhất về liên kết cộng hóa trị

Liên kết cộng hóa trị là liên kết:

A. Hình thành giữa 2 nguyên tử bằng 1 hay nhiều cặp electron dùng chung.

B. Giữa các phi kim với nhau.

C. Trong đó cặp electron chung bị lệch về một nguyên tử.

D. Được hình thành do sự dùng chung electron của 2 nguyên tử khác nhau.

**Câu 13.** Các nguyên tử liên kết với nhau để :

A.Tạo thành chất khí     B.Tạo thành mạng tinh thể

C.Tạo thành hợp chất     D. Đạt cơ cấu bền của nguyên tử khí hiếm

**Câu 14.** Nguyên tử oxi có cấu hình electron là: 1s22s22p4. Sau khi tạo liên kết, nó có cấu hình là

A. 1s22s22p2     B.1s22s22p43s2.

C. 1s22s22p6.     D. 1s22s22p6

**Câu 15:**Cấu hình electron lớp ngoài cùng của nguyên tử Cl (Z=17), Ca (Z=20) và liên kết giữa canxi và clo trong hợp chất CaCl2 lần lượt là

A. 3s23p5, 4s1và liên kết cộng hóa trị

B. 3s23p3, 4s2và liên kết ion

C. 3s23p5, 4s2và liên kết ion

D. 3s23p3, 4s1và liên kết cộng hóa trị

**Câu 16.** Chọn phát biểu **sai** trong các phát biểu sau:

**A.** Sự khử là quá trình nhường electron. **B.** Chất oxi hóa là chất nhận electron.

**C.** Chất khử là chất có số oxi hóa tăng sau phản ứng **D.** Sự khử là quá trình nhận electron

**Câu 17:** Cho các ion sau: Mg2+, SO42-, Al3+, S2-, Na+, Fe3+, NH4+, CO32-, Cl–. Số cation đơn nguyên tử là:

**A.** 4. **B.** 5. **C.** 4 **D.** 6.

**Câu 18:** Trong hợp chất Na2SO4, điện hóa trị của Na là:

**A.** 1 **B.** +1. **C.** 2+ **D.** 1+

**Câu 19:** Trong phản ứng: 2FeCl3 + H2S → 2FeCl2 + S + 2HCl. Cho biết vai trò của H2S

**A.** chất oxi hóa . **B.** chất khử. **C.** Axit. **D.** vừa axit vừa khử.

**Câu 20:** Cho phản ứng: SO2 + 2KMnO4 + H2O → K2SO4 + MnSO4 + H2SO4.

Trong phương trình hóa học của phản ứng trên, khi hệ số của KMnO4 là 2 thì hệ số của SO2 là

**A.** 5. **B.** 6. **C.** 4. **D.** 7.

**Câu 21** Tổng số hạt cơ bản trong nguyên tử nguyên tố A là 34 ,biết A là nguyên tố hoạt động hóa học mạnh, tổng số hạt cơ bản trong nguyên tử nguyên tố B là 48 và biết B thuộc nhóm VIA. Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói về hợp chất của A và B:

A. Nguyên tố A là kim loại, nguyên tố B là phi kim

B. Công thức hợp chất của A và B có dạng AB2

C. Trong hợp chất của A và B có chứa liên kết ion

D. Khi tham gia phản ứng, nguyên tử nguyên tố A có khả năng nhường 2 electron .

**Câu 22** Cho phương trình : KMnO4 + HCl → MnCl2 + Cl2 + KCl + H2O. Hệ số phân tử HCl đóng vai trò chất khử và môi trường trong phương trình lần lượt là :

A. 16 ;10. B. 16;4. C. 6;10. D. 10; 6.

**Câu 23** Cho 7,22g hỗn hợp X gồm Fe và một kim loại M có hoá trị không đổi, chia X thành 2 phần bằng nhau:

 Phần 1 cho tác dụng với dung dịch axit HCl dư thu được 2,128 lit khí (đktc)

 Phần 2 cho tác dụng với dung dịch axit H2SO4 đặc, nóng dư thu được 2,688 lít SO2 (đktc)

Kim loại M và % khối lượng của M trong hỗn hợp là

A. Fe với 53,68%. B. Cu với 25,87%. C. Zn với 48,12%. D. Al với 22,44%.

**Câu 24**: (ĐHB10) Các chất mà phân tử không phân cực là:

A. HBr, CO2, CH4 B. Cl2, CO2, C2H2 C. HCl, C2H2, Br2 D. NH3, Br2, C2H4

**Câu 25:**  X thuộc nguyên tố s. Nguyên tử nguyên tố X có tổng số hạt electron ở phân lớp s là 8, nguyên tử nguyên tố Y có tổng số hạt mang điện là 34 .Phát biểu nào sau đây là ***sai***?

 **A.** Nguyên tố Y thuộc chu kỳ 3 trong bảng tuần hoàn hóa học.

 **B.** Liên kết hóa học trong hợp chất của X và Y là liên kết cộng hóa trị phân cực .

 **C.** X là kim loại, Y là phi kim

 **D.** Cấu hình electron của X là: [Ar]4s2